

SỐ: 770/QĐ-ĐHSPTDTTHN

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận thí sinh trúng tuyển đại học hệ chính quy
tại trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội, đợt 1, năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Thông tư 10/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu vào tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 01/02/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội về việc Ban hành Quy chế thi năng khiếu thể dục thể thao năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 13/03/2023 Quyết định ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 257/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Căn cứ công văn số 3623/BGDĐT-GDDH ngày 04/7/2025 về việc thông báo số lượng chỉ tiêu dự kiến các ngành đào tạo giáo viên năm 2025;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh trình độ Đại học năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội ban hành theo Quyết định số 269/QĐ-ĐHSPTDTTHN, ngày 28/3/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội và Quyết định số 625/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 07/7/2025

về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo - Khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận **804** thí sinh trúng tuyển đại học chính quy đợt 1, năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Hà Nội (có danh sách kèm theo) trong đó:

Ngành Giáo dục thể chất: **278** (Phương thức 301: 7 thí sinh; Phương thức 405: 150 thí sinh; Phương thức 406: 121 thí sinh).

Ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh: **28** (Phương thức 100: 21 thí sinh; Phương thức 200: 7 thí sinh).

Ngành Huấn luyện thể thao: **498** (Phương thức 301: 01 thí sinh; Phương thức 405: 175 thí sinh; Phương thức 406: 322 thí sinh).

Điều 2. Các thí sinh trong danh sách tại Điều 1 có trách nhiệm làm thủ tục nhập học theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2025, trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- ĐÚ, HĐT (để chỉ đạo),
- Như điều 3;
- Công thông tin điện tử Trường;
- Lưu: VT, P.QLĐT-KH&HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐTS



PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG-AN NINH - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
1	BÙI THỊ QUỲNH HƯƠNG	033306006182	Nữ	26/03/2006	2NT		0.17	37.67	100	C00
2	CHU THỊ HỒNG	020306001415	Nữ	08/07/2006	1	01	1.09	38.11	100	C00
3	HOÀNG VIỆT ANH	008207007265	Nam	07/11/2007	1	01	1.57	37.29	100	C19
4	HÀ THANH ĐUYỀN	025307008079	Nữ	23/05/2007	1	01	1.30	37.75	100	C20
5	HÀ TUẤN ANH	038206030173	Nam	25/04/2006	1	01	1.24	37.87	100	C00
6	HỨA NGỌC LAN	020307000285	Nữ	26/03/2007	1	01	1.61	37.21	200	C20
7	LÊ THỊ XUÂN	020307004325	Nữ	07/04/2007	1	01	1.50	37.42	100	C00
8	LÊ TIỂU BĂNG	038307016669	Nữ	02/07/2007	1	01	1.46	37.49	100	C19
9	LÝ KIM OANH	001307004761	Nữ	17/11/2007	2		0.07	37.89	100	C20
10	LÝ TRƯỜNG GIANG	056206011320	Nam	03/12/2006	1	01	1.58	37.28	200	C00
11	NGUYỄN QUỐC AN	034207014457	Nam	19/05/2007	2NT		0.18	37.56	100	C19
12	NGUYỄN THU PHƯƠNG	040307017438	Nữ	19/06/2007	2NT		0.15	37.97	100	C00
13	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	037307001856	Nữ	31/05/2007	2NT		0.18	37.44	100	C00
14	NGUYỄN ĐÌNH LƯƠNG	038207003245	Nam	28/05/2007	1	01	1.21	37.91	100	C20
15	NGÔ GIA BẢO	036207019871	Nam	23/12/2007	2NT		0.14	38.04	200	C19
16	PHẠM KHÁNH LINH	038307010384	Nữ	17/03/2007	1	01	1.55	37.32	100	C00
17	PHẠM THÁI HÀ	022207002520	Nam	24/08/2007	2		0.05	38.55	200	C20
18	PHẠM THÚY NGÂN	038306027110	Nữ	19/03/2006	1	01	1.07	38.15	100	C00
19	TRUNG THỊ HỒNG NHUNG	006307003111	Nữ	21/02/2007	1	01	1.52	37.37	100	C19
20	TRẦN VĂN AN	033206007502	Nam	21/08/2006	2NT		0.20	37.27	100	C00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
TS'2025 - ĐHCQ GDQPAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG-AN NINH - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	CCCD	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
21	TĂNG NGỌC TIỀN	040207009459	Nam	12/08/2007	2NT		0.14	38.03	100	C00
22	TỔNG QUANG DŨNG	001207053827	Nam	16/11/2007	2		0.09	37.39	200	C19
23	VI HẢI ANH	024307009798	Nữ	12/04/2007	2NT	01	1.29	37.44	100	C19
24	VI THANH HOÀNG	040207005884	Nam	16/01/2007	1	01	1.19	37.96	100	C20
25	VŨ LỆ THU	014307007977	Nữ	04/09/2007	1		0.26	37.68	100	C00
26	ĐINH VĂN ĐẠT	038207020081	Nam	27/08/2007	2NT	06	0.63	37.46	100	C00
27	ĐỖ TRUNG KIÊN	001207024166	Nam	13/08/2007	2		0.06	38.26	200	C19
28	ĐỖ XUÂN TÂM	001207015627	Nam	06/04/2007	3		0.00	38.50	200	C20

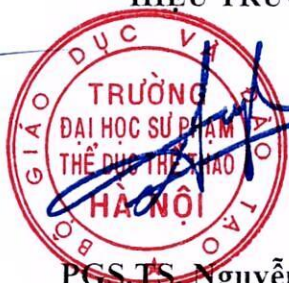
Tổng cộng có **28** thí sinh trong danh sách trúng tuyển ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh - kỳ tuyển sinh Đại học Chính quy năm 2025, đợt 1.

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG 


ThS. Ngô Xuân Đức


PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

* **GHI CHÚ** : Phương thức xét tuyển : PTXT 100 = Kết quả thi THPT; PTXT 200 = Kết quả học bạ lớp 12 THPT.
Các tổ hợp xét tuyển : C00 = Ngữ văn - Lịch sử - Địa lý, C19 = Ngữ văn - Lịch sử - GD&ĐT, C20 = Ngữ văn - Địa lý - GD&ĐT, D66 = Ngữ văn - GD&ĐT - Tiếng Anh. GD&ĐT = Giáo dục công dân/ Giáo dục kinh tế pháp luật.
Điểm môn Ngữ văn tính hệ số 2. Tổng điểm xét tuyển (theo thang điểm 40) đã bao gồm điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, điểm quy đổi tương đương tính theo tính theo Quy chế tuyển sinh đại học năm 2025 của trường.

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
1	NGUYỄN HỮU AN	0017	Nam	08/10/2007	2		0.36	29.46	406	T00
2	PHAN VĂN AN	0023	Nam	08/09/2007	2NT		0.61	31.53	405	T10
3	TRẦN LÊ THANH AN	0025	Nam	12/10/2007	2NT		0.76	29.46	406	T08
4	VŨ THỂ AN	0027	Nam	29/10/2007	1		0.83	32.53	406	T00
5	BÙI QUÁCH HỒNG ANH	0035	Nam	19/01/2007	1	01	3.61	33.78	405	T05
6	BÙI TÙNG ANH	0042	Nam	29/11/2007	1	01	3.67	31.37	406	T02
7	CAO HOÀNG ANH	0044	Nam	21/01/2007	2NT		0.52	32.79	405	T10
8	ĐẶNG BẢO ANH	0047	Nam	05/05/2007	2		0.31	30.98	405	T10
9	ĐINH NGUYỄN VIỆT ANH	0056	Nam	28/09/2007	2NT		0.57	32.07	406	T09
10	ĐỖ BÁ TUẤN ANH	0058	Nam	26/08/2007	2NT		0.64	31.14	406	T02
11	ĐỖ HOÀNG NGUYỄN ANH	0060	Nam	21/04/2006	3		0.00	31.60	406	T02
12	DƯƠNG HÀ ANH	0067	Nữ	01/06/2007	2		0.35	29.77	405	T10
13	DƯƠNG HOÀNG ANH	0068	Nam	11/04/2007	2		0.33	29.53	406	T10
14	GIÁP LÊ ĐỨC ANH	0069	Nam	14/11/2007	2		0.24	32.91	405	T05
15	HÀ TUẤN ANH	0074	Nam	19/08/2007	2NT		0.73	29.83	406	T00
16	HOÀNG VIỆT ANH	0084	Nam	14/12/2007	1	01	3.67	29.67	406	T08
17	LÊ ĐỖ MINH ANH	0089	Nữ	26/03/2006	1		0.77	33.04	405	T10
18	LÊ ĐỨC ANH	0090	Nam	16/10/2007	2		0.24	32.84	406	T10
19	LÊ VIỆT ANH	0103	Nam	23/12/2007	2NT		0.84	28.34	406	T05
20	LƯƠNG VIỆT ANH	0110	Nam	27/04/2007	1		0.81	32.73	405	T05
21	MAI VŨ ANH	0112	Nam	13/02/2007	2		0.21	33.71	406	T08
22	NGÔ HOÀNG ANH	0114	Nam	10/04/2007	2		0.28	31.95	405	T10

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
23	NGUYỄN CẢNH LÂM ANH	0115	Nam	02/11/2007	3		0.00	32.70	406	T00
24	NGUYỄN DANH VIỆT ANH	0116	Nam	29/07/2007	2		0.38	28.78	406	T10
25	NGUYỄN ĐÌNH PHAN ANH	0118	Nam	05/05/2007	2		0.29	31.49	406	T02
26	NGUYỄN ĐỨC ANH	0119	Nam	19/11/2007	2		0.22	33.62	406	T08
27	NGUYỄN ĐỨC ANH	0120	Nam	01/07/2007	2		0.33	30.23	406	T09
28	NGUYỄN DUY GIA ANH	0126	Nam	05/07/2007		TT				
29	NGUYỄN VIỆT ANH	0158	Nam	25/06/2007	2		0.33	29.43	406	T10
30	PHẠM HOÀNG ANH	0163	Nam	29/06/2007	2NT		0.52	32.69	405	T05
31	TRẦN NGỌC ĐỨC ANH	0195	Nam	18/07/2007	2NT		0.66	30.83	405	T10
32	TRẦN PHI ANH	0196	Nam	23/02/2007	2NT		0.68	30.60	405	T10
33	TƯỜNG TUẤN ANH	0211	Nam	21/11/2007	2		0.39	28.59	406	T02
34	VŨ TÙNG ANH	0221	Nam	22/07/2007	2		0.27	32.07	406	T09
35	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC ÁNH	0224	Nữ	21/08/2007	2		0.30	31.22	405	T02
36	PHẠM NGỌC ÁNH	0235	Nữ	14/02/2007	2NT		0.57	32.07	406	T09
37	ĐÌNH VIỆT BẮC	0241	Nam	18/10/2006	1		1.00	30.20	406	T08
38	DƯƠNG DUY BÁCH	0248	Nam	18/12/2007	2		0.30	31.22	405	T05
39	NGŨ TRƯỜNG BẰNG	0260	Nam	10/03/2007	1	01	3.43	34.10	405	T05
40	LÂM QUỐC BẢO	0273	Nam	03/10/2007	2NT		0.55	32.32	405	T10
41	LƯU NGUYỄN GIA BẢO	0276	Nam	09/01/2007	2		0.28	31.70	405	T10
42	NGUYỄN GIA BẢO	0280	Nam	08/08/2007	2NT		0.67	30.67	406	T09
43	NGUYỄN THẾ BẢO	0286	Nam	09/07/2007	2		0.27	31.97	406	T08

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
44	PHẠM DƯƠNG GIA BẢO	0287	Nam	29/03/2007	2		0.36	29.56	406	T09
45	PHẠM GIA BẢO	0289	Nam	11/07/2007	2NT		0.67	28.87	406	T08
46	TẠ QUỐC BẢO	0293	Nam	07/09/2007	2NT		0.59	31.76	405	T10
47	TRỊNH THÁI BẢO	0298	Nam	10/04/2007	2		0.35	29.85	406	T05
48	NHỮ VI NGỌC BÍCH	0307	Nữ	24/09/2007	1	01	3.67	29.57	406	T02
49	MẠC VĂN BÌNH	0322	Nam	09/07/2007	2NT		0.67	29.27	406	T08
50	PHẠM THANH BÌNH	0335	Nam	12/02/2007	3		0.00	29.92	405	T05
51	LA THỊ NHÃ CA	0339	Nữ	07/03/2007	2NT		0.74	29.66	405	T05
52	HOÀNG MẠNH CẨM	0341	Nam	06/03/2007	2NT		0.73	29.83	406	T09
53	NGUYỄN VĂN DƯƠNG CẨM	0342	Nam	10/04/2007	2NT		0.37	34.79	405	T10
54	QUAN VĂN CHÊ	0355	Nam	09/08/2007	1	01	3.67	33.09	405	T10
55	ĐỖ THỊ QUỲNH CHI	0358	Nữ	28/06/2007	2NT		0.38	34.68	406	T09
56	NGUYỄN QUỲNH CHI	0360	Nữ	28/10/2007	3		0.00	29.92	405	T05
57	NGUYỄN VŨ YÊN CHI	0365	Nữ	08/06/2007	2NT		0.49	33.16	405	T05
58	BÙI HỮU CHIẾN	0373	Nam	24/09/2006	3		0.00	30.90	406	T08
59	ĐỖ MẠNH CHIẾN	0375	Nam	29/08/2007	2		0.24	32.84	406	T05
60	LÊ KHẢ CHIẾN	0378	Nam	22/10/2006	2NT		0.67	28.97	406	T08
61	NGUYỄN ĐỨC CHÍNH	0388	Nam	27/10/2007	2NT		0.67	32.09	405	T10
62	NGUYỄN XUÂN CHÍNH	0394	Nam	19/01/2007	2		0.36	29.56	406	T05
63	CHU HỒNG CHÚC	0402	Nam	11/08/2007	1	01	3.67	30.87	406	T10
64	LÀU A CÔNG	0408	Nam	05/04/2006	2		0.33	28.13	406	T09

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Điểm tương đương	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
65	VŨ TIỀN CƯỜNG	0423	Nam	25/09/2003			0.00	28.30	406	T08
66	BÙI DUY CƯỜNG	0426	Nam	11/07/2007	1	01	3.67	29.09	405	T05
67	BÙI MẠNH CƯỜNG	0428	Nam	20/04/2007	1	01	3.67	31.34	405	T10
68	NGUYỄN DUY CƯỜNG	0438	Nam	06/09/2006	2		0.24	32.84	406	T00
69	NÔNG NHẬT CƯỜNG	0446	Nam	12/02/2007	1	01	2.23	36.15	405	T10
70	PHẠM NGỌC CƯỜNG	0448	Nam	10/09/2007	2		0.32	30.52	406	T08
71	TRẦN THẾ CƯỜNG	0453	Nam	13/09/2007	1		1.00	30.40	406	T02
72	NGÔ NGỌC DIỆP	0472	Nữ	14/12/2007	2NT		0.63	31.23	406	T00
73	VŨ THỊ MAI DOAN	0475	Nữ	07/08/2007	1		0.84	32.44	406	T00
74	VÀNG THỊ DUA	0481	Nữ	08/07/2007	1	01	3.88	33.30	405	T05
75	TÔ THỊ DUNG	0487	Nữ	28/07/2007	2NT		0.72	29.99	405	T10
76	BÙI CHÍ DŨNG	0488	Nam	03/07/2007	1		0.71	33.63	405	T05
77	ĐINH TIỀN DŨNG	0499	Nam	15/11/2007	1	01	2.97	34.89	405	T05
78	ĐỐI SỸ DŨNG	0503	Nam	25/08/2007	3		0.00	35.42	405	T05
79	DƯƠNG MẠNH DŨNG	0504	Nam	29/07/2007	1		1.00	28.30	406	T08
80	HOÀNG ANH DŨNG	0507	Nam	15/01/2007	2NT		0.67	29.07	406	T00
81	HOÀNG VIỆT DŨNG	0509	Nam	13/04/2007	2		0.36	29.46	406	T05
82	LẠI HOÀNG DŨNG	0510	Nam	14/07/2007	2NT		0.56	32.16	406	T00
83	LÊ QUANG DŨNG	0514	Nam	04/08/2007	1	01	3.61	33.78	405	T05
84	NGÔ TIỀN DŨNG	0526	Nam	11/12/2006	2NT		0.67	29.07	406	T00
85	NGUYỄN HỮU HÙNG DŨNG	0536	Nam	20/05/2007	2		0.33	28.50	405	T05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
86	PHẠM TRUNG DŨNG	0548	Nam	06/04/2007	2NT		0.49	33.16	405	T10
87	TRẦN MINH DŨNG	0550	Nam	26/03/2007	2NT		0.70	30.20	406	T05
88	TRẦN QUANG DŨNG	0551	Nam	02/01/2007	3		0.00	30.60	406	T10
89	TRẦN QUỐC DŨNG	0552	Nam	26/10/2007	2		0.27	31.97	406	T09
90	VŨ VIỆT DŨNG	0554	Nam	30/09/2007	2		0.33	28.23	406	T00
91	BÙI MINH DƯƠNG	0555	Nam	30/09/2007	2	01	3.45	31.95	406	T08
92	NGÔ KIM DƯƠNG	0575	Nam	19/05/2006	2NT		0.67	28.97	406	T02
93	NGUYỄN BÁ DƯƠNG	0577	Nam	21/06/2007	2		0.31	30.81	406	T00
94	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	0580	Nam	30/11/2007	2NT		0.56	32.16	406	T09
95	NGUYỄN HOÀNG DƯƠNG	0581	Nam	20/09/2006	2NT		0.53	32.63	406	T08
96	NGUYỄN MINH DƯƠNG	0582	Nam	23/08/2007	2		0.23	33.23	406	T10
97	NGUYỄN TIỀN DƯƠNG	0585	Nam	05/07/2007	2NT		0.61	31.53	405	T05
98	TRẦN THÁI DƯƠNG	0600	Nam	03/12/2007	2NT		0.55	32.35	406	T00
99	MA CÔNG DƯƠNG	0608	Nam	31/03/2007	1	01	3.67	32.59	405	T10
100	BÙI NGUYỄN DUY	0609	Nam	08/07/2007	2		0.33	28.93	406	T05
101	ĐOÀN KHÁNH DUY	0611	Nam	10/07/2007	1	01	3.79	33.46	405	T10
102	HOÀNG VIỆT DUY	0614	Nam	08/08/2007	2		0.32	30.49	405	T05
103	LÊ KHÁNH DUY	0615	Nam	29/05/2007	2NT		0.49	33.19	406	T00
104	LÒ ĐỨC DUY	0618	Nam	04/05/2007	1	01	3.78	33.48	406	T00
105	MAI KHÁNH DUY	0623	Nam	13/03/2006	2NT		0.67	29.57	406	T05
106	NGUYỄN BẢO DUY	0625	Nam	10/09/2007	1	01	3.67	29.27	406	T08
107	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	0635	Nam	19/07/2007	2		0.36	29.36	406	T02

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Điểm tương đương	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
108	NÔNG ĐỨC DUY	0636	Nam	10/09/2007	1	01	3.67	32.94	405	T10
109	TRỊNH KHƯƠNG DUY	0645	Nam	23/12/2007	2NT		0.72	30.02	406	T08
110	TRẦN THỊ DUYÊN	0664	Nữ	12/11/2007	2NT		0.78	29.08	406	T00
111	LÊ ĐỨC ĐẠI	0667	Nam	17/02/2007	2NT		0.52	32.69	405	T05
112	PHẠM ANH ĐẠI	0669	Nam	01/01/2006	2		0.39	28.49	406	T02
113	PHÙNG HUY ĐẠI	0670	Nam	24/05/2007	1		0.78	32.98	406	T05
114	KHÀ HẢI ĐĂNG	0683	Nam	19/08/2007	1	01	3.67	33.09	405	T10
115	NGUYỄN ĐÌNH HẢI ĐĂNG	0686	Nam	01/12/2007	1		1.00	28.92	405	T10
116	NGUYỄN VŨ THÀNH ĐĂNG	0692	Nam	09/04/2007	3		0.00	29.17	405	T05
117	BÙI MINH ĐẠT	0703	Nam	15/06/2007	1	01	3.67	33.09	405	T05
118	BÙI THÀNH ĐẠT	0704	Nam	31/08/2007	2		0.24	32.91	405	T05
119	BÙI TIẾN ĐẠT	0705	Nam	25/01/2007	1	01	3.67	29.87	406	T09
120	ĐẶNG TIẾN ĐẠT	0706	Nam	01/09/2007	1		1.00	29.17	405	T10
121	ĐẶNG VĂN THÀNH ĐẠT	0707	Nam	18/09/2007	2NT		0.50	33.02	405	T10
122	DƯƠNG VĂN ĐẠT	0714	Nam	19/10/2007	2NT		0.42	34.09	405	T10
123	HOÀNG TIẾN THÀNH ĐẠT	0716	Nam	05/04/2007	2		0.22	33.42	406	T09
124	NGUYỄN TÂN ĐẠT	0733	Nam	05/08/2006	3		0.00	28.90	406	T02
125	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	0735	Nam	15/08/2007	2NT		0.74	29.74	406	T00
126	NGUYỄN VĂN ĐẠT	0743	Nam	05/08/2007	2		0.28	31.95	405	T10
127	PHẠM TUẤN ĐẠT	0747	Nam	30/08/2007	2		0.41	28.01	406	T08
128	TRẦN VĂN ĐẠT	0754	Nam	16/08/2006	2NT		0.67	28.87	406	T09

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đổi tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
129	TRIỆU QUANG ĐẠT	0756	Nam	09/07/2006	2NT		0.74	29.74	406	T09
130	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	0770	Nam	25/04/2007	2		0.37	29.07	406	T09
131	CHU QUANG ĐỒNG	0776	Nam	08/10/2007	2		0.29	31.59	406	T09
132	NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG	0783	Nam	07/08/2007	1		1.00	28.60	406	T00
133	VŨ QUANG ĐỒNG	0784	Nam	29/07/2007	1		0.98	31.15	405	T10
134	BÙI TRẦN ĐỨC	0787	Nam	11/12/2005		01	2.32	33.62	406	T08
135	ĐỖ MINH ĐỨC	0794	Nam	02/02/2007	2NT		0.67	28.27	406	T09
136	ĐỖ NGỌC ĐỨC	0796	Nam	22/07/2007	2NT		0.68	30.60	405	T05
137	ĐỖ TRUNG ĐỨC	0798	Nam	29/09/2007	3		0.00	28.80	406	T08
138	HÀ TUẤN ĐỨC	0803	Nam	22/04/2007	1	01	3.67	31.09	405	T05
139	NGÂN MINH ĐỨC	0810	Nam	02/06/2007	1	01	3.67	32.67	406	T00
140	NGUYỄN ANH ĐỨC	0812	Nam	04/08/2007	2		0.38	28.88	406	T08
141	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	0815	Nam	05/11/2007	1		0.67	33.97	406	T09
142	NGUYỄN VĂN MINH ĐỨC	0825	Nam	05/03/2007	2		0.37	29.07	406	T00
143	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	0826	Nam	03/04/2007	2NT		0.49	33.16	405	T05
144	TRẦN ANH ĐỨC	0835	Nam	30/10/2007	3		0.00	28.60	406	T10
145	TRẦN MẠNH ĐỨC	0837	Nam	24/03/2007	2		0.28	31.68	406	T08
146	TRƯƠNG HOÀNG ANH ĐỨC	0843	Nam	17/12/2007	2NT	06a	1.82	32.74	405	T05
147	VŨ ANH ĐỨC	0845	Nam	07/08/2007	2NT		0.64	31.06	405	T10
148	BÙI TRƯỜNG GIANG	0852	Nam	29/09/2007	1	01	3.67	31.44	405	T10
149	CHÂU TIỀN GIANG	0853	Nam	18/08/2007	1	01	3.67	29.84	405	T10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đôi tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
150	ĐỖ HOÀNG GIANG	0856	Nam	29/03/2007	1		1.00	29.80	406	T02
151	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	0871	Nam	05/11/2007	1	01	3.67	31.09	405	T10
152	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	0873	Nam	05/03/2006	3		0.00	32.80	406	T00
153	VŨ THỊ HƯƠNG GIANG	0879	Nữ	05/06/2007	1		1.00	29.67	405	T05
154	NGUYỄN THỊ THU HÀ	0893	Nữ	08/03/2007	1		1.00	28.17	405	T05
155	NGUYỄN THIÊN HÀ	0895	Nam	20/08/2007	1		0.96	31.36	406	T00
156	NGUYỄN THU HÀ	0897	Nữ	30/07/2007	2		0.28	31.70	405	T10
157	TRẦN THU HÀ	0903	Nữ	11/04/2007	2NT		0.71	30.11	406	T08
158	TRỊNH MINH HÀ	0905	Nam	06/06/2007	2		0.22	33.52	406	T09
159	HÀ THANH HẢI	0920	Nam	18/04/2007	1	01	3.67	31.19	405	T10
160	NGUYỄN HOÀNG HẢI	0927	Nam	10/12/2007	1	01	3.61	33.78	405	T05
161	NGUYỄN NGỌC HẢI	0930	Nam	04/06/2007	2		0.33	28.13	406	T02
162	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	0948	Nữ	08/06/2007	2NT		0.44	33.86	405	T05
163	HOÀNG TRỌNG HANH	0950	Nam	22/09/2007	1	01	3.52	33.94	405	T10
164	NGUYỄN THỊ NGỌC HIỀN	0970	Nữ	10/11/2007	2		0.23	33.40	405	T05
165	NGUYỄN THÚY HIỀN	0972	Nữ	18/11/2007	1		1.00	29.90	406	T10
166	TRẦN DANH HIỀN	0977	Nam	23/10/2006	3		0.00	34.00	406	T09
167	BÙI TRIỆU TRUNG HIẾU	0991	Nam	21/02/2007	1	01	3.67	32.84	405	T05
168	BÙI VĂN HIẾU	0994	Nam	03/01/2007	2NT		0.67	29.17	406	T09
169	ĐÀO TRUNG HIẾU	1000	Nam	21/11/2007	3		0.00	31.67	405	T08
170	ĐÀO TRUNG HIẾU	1001	Nam	10/07/2007	1		1.00	30.90	406	T02
171	ĐỖ MINH HIẾU	1005	Nam	13/05/2007	2NT		0.63	31.30	405	T05

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
172	ĐỖ MINH HIẾU	1006	Nam	19/12/2006	2NT		0.67	28.57	406	T00
173	HOÀNG VĂN HIẾU	1016	Nam	01/01/2007	2		0.24	33.04	406	T08
174	KIỀU HIẾU	1019	Nam	19/06/2006	2		0.29	31.46	405	T10
175	NGUYỄN MINH HIẾU	1036	Nam	08/07/2006	3		0.00	33.60	406	T00
176	NGUYỄN NGỌC HIẾU	1038	Nam	28/06/2007	1		1.00	28.10	406	T09
177	NGUYỄN TÀI HIẾU	1039	Nam	26/04/2007	3		0.00	28.00	406	T10
178	NGUYỄN TRUNG HIẾU	1045	Nam	11/05/2006	1		1.00	29.50	406	T08
179	TRỊNH ANH HIẾU	1062	Nam	06/06/2007	2		0.23	33.40	405	T05
180	TRỊNH MINH HIẾU	1063	Nam	03/05/2007	3		0.00	29.92	405	T05
181	ĐỖ THANH HOA	1078	Nữ	14/05/2007	2		0.23	33.40	405	T05
182	ĐÀO MINH HÒA	1083	Nữ	23/02/2007	2		0.19	34.39	406	T02
183	NGUYỄN HUY HÒA	1087	Nam	18/11/2007	2NT		0.57	32.07	406	T00
184	NGUYỄN KHÁNH HÒA	1088	Nữ	19/10/2007	2NT		0.84	28.34	406	T10
185	TRỊNH THANH HOÀI	1094	Nam	24/05/2007	2NT		0.67	28.57	406	T00
186	LÊ HUY HOÀNG	1113	Nam	24/11/2007	2NT		0.58	32.00	405	T10
187	LÊ VĂN HOÀNG	1119	Nam	14/10/2007	2NT		0.76	29.36	406	T08
188	LÒ VIỆT HOÀNG	1122	Nam	17/11/2007	1	01	3.58	33.83	405	T10
189	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	1128	Nam	26/09/2007	1		1.00	29.20	406	T02
190	CHU MINH HỌC	1156	Nam	06/11/2007	1		0.98	31.18	406	T10
191	ĐỖ THỊ HỒNG	1162	Nữ	15/05/2002			0.00	28.00	406	T05
192	PHAN NGUYỄN HỒNG	1164	Nam	05/12/2007	2NT		0.46	33.63	405	T10
193	NGUYỄN VĂN HỢP	1167	Nam	21/04/2007	2NT		0.47	33.47	406	T05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
194	LÊ XUÂN HUẤN	1170	Nam	30/05/2007	2		0.35	29.85	406	T09
195	ÂN ĐỨC HÙNG	1177	Nam	25/12/2006	2NT		0.66	30.86	406	T09
196	ĐINH PHI HÙNG	1183	Nam	30/07/2007	2NT		0.67	29.17	406	T10
197	KHÀ VIỆT HÙNG	1189	Nam	28/12/2007	1	01	3.67	31.84	405	T05
198	MA CÔNG TUẤN HÙNG	1195	Nam	19/03/2007	1	01	3.67	31.34	405	T05
199	NGUYỄN LÂM HÙNG	1198	Nam	06/08/2005			0.00	28.30	406	T08
200	PHẠM XUÂN HÙNG	1208	Nam	11/03/2007	2NT		0.67	28.59	405	T10
201	QUÁCH NGỌC HÙNG	1210	Nam	31/08/2004		06a	1.29	31.59	406	T09
202	BÙI QUANG HÙNG	1217	Nam	10/11/2007	1	01	3.67	30.09	405	T10
203	LÊ NGUYỄN GIA HÙNG	1229	Nam	04/09/2007	2		0.33	30.25	405	T10
204	NGUYỄN DUY HÙNG	1235	Nam	21/05/2007	2		0.25	32.75	406	T00
205	NGUYỄN DUY HÙNG	1237	Nam	21/04/2007	1		0.89	31.99	406	T10
206	NGUYỄN TUẤN HÙNG	1248	Nam	01/09/2007	3		0.00	30.40	406	T08
207	NGUYỄN XUÂN PHÙNG HÙNG	1251	Nam	23/02/2007	2NT		0.61	31.51	406	T00
208	NÔNG DUY HÙNG	1252	Nam	01/04/2007	1	01	3.88	33.30	405	T05
209	PHẠM DUY HÙNG	1253	Nam	25/08/2007	2		0.30	31.20	406	T08
210	QUAN VĂN HÙNG	1257	Nam	02/01/2007	1	01	3.70	33.62	405	T05
211	VŨ TUẤN HÙNG	1264	Nam	14/12/2007	2		0.23	33.13	406	T02
212	MAI THỊ HỒNG HƯƠNG	1269	Nữ	22/05/2007	2NT		0.74	29.66	405	T10
213	NGUYỄN CÔNG HƯỜNG	1281	Nam	06/09/2007	3		0.00	30.42	405	T05
214	BÀN KHÁNH HUY	1282	Nam	28/10/2007	1	01	3.67	29.94	405	T10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
215	BÙI VĂN HUY	1285	Nam	25/03/2007	2NT		0.72	29.92	406	T10
216	ĐINH GIA HUY	1297	Nam	30/05/2006	1	01	3.67	28.47	406	T00
217	ĐỖ TRƯỜNG HUY	1300	Nam	25/11/2007	2		0.32	30.74	405	T10
218	LÊ MINH HUY	1316	Nam	31/03/2006	2NT		0.67	28.97	406	T08
219	LÊ TUẤN HUY	1319	Nam	07/05/2006	2		0.36	29.36	406	T09
220	LÊ VIỆT QUANG HUY	1320	Nam	25/08/2007	2NT		0.79	28.96	405	T10
221	MA CÔNG HUY	1325	Nam	03/12/2006	1	01	3.67	29.59	405	T05
222	NGÔ NHẬT HUY	1327	Nam	28/08/2007	3		0.00	32.40	406	T09
223	NGUYỄN ĐỨC HUY	1331	Nam	03/08/2007	1		0.92	31.72	406	T00
224	NGUYỄN HỮU HUY	1341	Nam	20/07/2007	2NT		0.56	32.23	405	T10
225	NGUYỄN QUỐC HUY	1347	Nam	19/06/2007	2NT		0.70	30.20	406	T08
226	NÔNG QUỐC HUY	1352	Nam	11/07/2007	1	01	3.67	28.27	406	T09
227	PHẠM QUANG HUY	1356	Nam	04/01/2007	1	01	3.67	29.59	405	T10
228	PHẠM TRỌNG HUY	1357	Nam	11/11/2007	2		0.39	28.49	406	T09
229	XÀ ANH LÂM KA KA	1390	Nam	03/04/2007	1	01	3.70	33.62	405	T10
230	ĐÈO MINH KHẢI	1392	Nam	13/06/2007	1	01	3.52	33.94	405	T05
231	TRÌNH QUANG KHẢI	1398	Nam	23/03/2005	2NT		0.68	30.60	405	T05
232	KHÔNG NGỌC QUANG KHANG	1402	Nam	13/08/2007	2		0.34	29.94	406	T05
233	LÊ MẠNH KHANG	1403	Nam	10/11/2007	1		0.96	31.36	406	T02
234	ĐẶNG NGỌC KHANH	1409	Nam	19/12/2007	2		0.22	33.64	405	T05
235	NÔNG VIỆT KHANH	1411	Nam	16/09/2007	1	01	3.67	29.84	405	T05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
236	TRẦN TUẤN KHANH	1412	Nam	13/07/2007	3		0.00	29.40	406	T02
237	ĐÀO HUY KHÁNH	1418	Nam	27/01/2007	2		0.24	32.94	406	T00
238	HOÀNG QUỐC KHÁNH	1423	Nam	23/01/2007	2NT		0.46	33.63	405	T10
239	LÊ THỌ NAM KHÁNH	1426	Nam	30/04/2005			0.00	32.20	406	T08
240	LƯƠNG DUY KHÁNH	1430	Nam	13/05/2007	2		0.21	33.88	405	T05
241	LÝ QUỐC KHÁNH	1431	Nam	18/07/2007	1	01	3.67	32.09	405	T05
242	MOONG VĂN KHÁNH	1433	Nam	27/02/2005		01	2.80	32.30	406	T08
243	NGUYỄN VINH KHÁNH	1441	Nam	18/12/2007	2	06a	1.66	28.36	406	T10
244	VŨ DUY KHÁNH	1455	Nam	23/02/2007	2NT		0.67	29.57	406	T05
245	HOÀNG MINH KHIÊM	1462	Nam	26/11/2006	1	01	3.67	32.47	406	T05
246	ĐÀO ANH KHÔI	1480	Nam	26/12/2006	2NT		0.67	29.07	406	T09
247	LÊ ĐẮC KHÔI	1482	Nam	19/06/2007	3		0.00	30.10	406	T09
248	LA CHÍ KIÊN	1507	Nam	21/08/2007	1	01	3.98	33.15	405	T10
249	NGUYỄN BÁ TRUNG KIÊN	1511	Nam	20/07/2007	1		1.00	30.42	405	T05
250	PHÙNG CHÍ KIÊN	1520	Nam	25/07/2007	2		0.28	31.88	406	T09
251	TRẦN CHÍ KIÊN	1522	Nam	02/02/2007	1	01	3.67	32.67	406	T10
252	TRẦN TRUNG KIÊN	1524	Nam	04/11/2007	1		1.00	28.30	406	T08
253	NGUYỄN CẢNH KỶ	1540	Nam	14/10/2007	1	01	3.67	31.84	405	T10
254	NGUYỄN ĐÌNH HẢI LÂM	1552	Nam	19/07/2007	1	01	3.74	33.54	406	T00
255	NGUYỄN DUY LÂM	1555	Nam	06/01/2007	1	01	2.76	35.23	406	T05
256	NGUYỄN PHÚ LÂM	1557	Nam	15/01/2007	2NT		0.67	28.57	406	T10
257	NGUYỄN TÙNG LÂM	1559	Nam	16/12/2007	2NT		0.70	30.30	406	T09

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Điểm tương đương	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
258	NGUYỄN VĂN LÂM	1560	Nam	14/04/2007	2NT		0.59	31.76	405	T10
259	PHẠM ĐỨC LÂM	1561	Nam	19/05/2007	1		1.00	28.90	406	T02
260	QUYỀN ĐÌNH LÂM	1562	Nam	31/03/2006	2NT		0.69	30.36	405	T05
261	TRẦN THỊ LIÊN	1578	Nữ	07/10/2006	2NT		0.77	29.27	406	T08
262	BÙI PHƯƠNG LINH	1581	Nữ	17/02/2007	1	01	3.67	30.27	406	T00
263	ĐÀM NGỌC LINH	1586	Nam	12/03/2007	3		0.00	31.40	406	T00
264	LÊ THUY LINH	1606	Nữ	24/10/2007	2		0.33	30.53	406	T00
265	NGUYỄN THỊ TUYẾT LINH	1619	Nữ	01/05/2007	2NT		0.67	29.07	406	T10
266	NÔNG PHƯƠNG LINH	1624	Nữ	07/07/2003		01	2.67	30.67	406	T10
267	PHẠM MỸ LINH	1629	Nữ	16/06/2007	2NT		0.65	30.95	406	T00
268	TẠ DIỆU LINH	1633	Nữ	07/02/2006	2		0.29	31.39	406	T10
269	TRẦN HOÀNG LỘC	1658	Nam	02/02/2007	2		0.32	30.59	405	T10
270	CHU ĐÌNH LONG	1666	Nam	30/12/2007	2NT		0.56	32.16	406	T00
271	HỒ ĐÌNH LONG	1671	Nam	22/08/2007	2		0.33	28.63	406	T10
272	NGUYỄN MẠNH LONG	1684	Nam	02/08/1998			0.00	30.70	406	T10
273	NGUYỄN THÀNH LONG	1685	Nam	22/11/2007	1		0.88	32.05	405	T05
274	PHẠM BẢO LONG	1690	Nam	11/07/2007	2NT		0.68	30.48	406	T10
275	THÂN QUANG LONG	1694	Nam	09/02/2007	2NT		0.72	30.02	406	T09
276	TRƯƠNG HẢI LONG	1700	Nam	11/06/2007	2		0.33	28.43	406	T09
277	NGUYỄN THỊ LỰA	1702	Nữ	02/12/2006	2		0.31	31.01	406	T05
278	NGUYỄN THÀNH LUÂN	1705	Nam	20/02/2007	1		1.00	28.00	406	T09
279	HOÀNG CÔNG LUẬN	1706	Nam	16/03/2006	2		0.36	29.46	406	T08

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Điểm tương đương	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
280	NGUYỄN TRUNG LỰC	1710	Nam	26/06/2007	2		0.14	36.04	405	T10
281	PHẠM THỂ LỰC	1711	Nam	03/10/2007	2NT		0.63	31.30	405	T05
282	DƯƠNG THỊ LƯƠNG	1712	Nữ	20/12/2007	2		0.32	30.52	406	T09
283	LƯU THỊ LƯƠNG	1715	Nữ	31/07/2006	2NT		0.73	29.83	406	T08
284	NGUYỄN THÀNH LƯƠNG	1717	Nam	29/06/2006	2		0.14	35.94	406	T00
285	TRẦN BÁ LƯƠNG	1721	Nam	14/05/2007	1		1.00	30.20	406	T09
286	ĐINH TRỌNG MẠI	1749	Nam	06/09/2007	2NT		0.56	32.23	405	T05
287	CAO NGUYỄN DUY MẠNH	1753	Nam	20/09/2007	2NT		0.63	31.23	406	T00
288	ĐINH CÔNG MẠNH	1757	Nam	18/01/2007	1		0.85	32.35	406	T08
289	ĐỖ DUY MẠNH	1762	Nam	21/12/2007	2		0.26	32.36	406	T08
290	HOÀNG VĂN MẠNH	1772	Nam	02/02/2006	2NT		0.75	29.55	406	T08
291	NGUYỄN NGỌC MẠNH	1781	Nam	09/08/2007	2		0.26	32.26	406	T05
292	PHẠM ĐỨC MẠNH	1786	Nam	25/01/2007	2		0.31	30.98	405	T05
293	ĐÀO ĐỨC MINH	1803	Nam	25/10/2007	1		0.80	32.80	406	T02
294	DOÃN ĐỨC MINH	1810	Nam	29/08/2007	2NT		0.61	31.51	406	T09
295	HOÀNG CÔNG MINH	1813	Nam	05/12/2007	1		1.00	28.80	406	T05
296	HOÀNG LÊ MINH	1814	Nam	09/05/2007	2NT		0.67	29.84	405	T10
297	NGUYỄN CÔNG MINH	1827	Nam	13/02/2007	2		0.31	30.81	406	T08
298	NGUYỄN ĐOÀN MINH	1828	Nam	07/06/2007	1	01	4.22	32.72	406	T10
299	NGUYỄN NGỌC MINH	1836	Nam	15/11/2006	2		0.33	29.13	406	T08
300	NGUYỄN NGỌC MINH	1837	Nam	25/10/2007	2		0.36	29.53	405	T05
301	NGUYỄN NHẬT MINH	1838	Nam	15/05/2007	2NT		0.45	33.75	406	T09

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
302	NGUYỄN VĂN MINH	1849	Nam	16/11/2007	2		0.20	34.00	406	T08
303	PHẠM NHẬT MINH	1853	Nam	18/10/2007	1		0.90	31.90	406	T09
304	TRẦN BÌNH MINH	1862	Nam	28/02/2007	2NT		0.58	31.88	406	T00
305	TRẦN ĐỨC MINH	1864	Nam	18/03/2007	2		0.33	28.53	406	T05
306	TRẦN QUANG MINH	1870	Nam	10/02/2007	2NT		0.67	29.09	405	T10
307	NÔNG THỊ TRÀ MY	1883	Nữ	19/03/2006	1	01	3.67	30.09	405	T10
308	VŨ THỊ KIỀU MY	1888	Nữ	31/08/2007	2		0.32	30.62	406	T08
309	NGÔ THỊ MỸ	1889	Nữ	16/12/2007	2		0.33	30.33	406	T05
310	HÀ PHƯƠNG NAM	1896	Nam	27/02/2007	1	01	3.67	32.87	406	T00
311	LÊ VIỆT NAM	1901	Nam	19/12/2007	1		1.00	28.42	405	T05
312	NGUYỄN ĐÌNH NAM	1909	Nam	20/02/2007	3		0.00	31.70	406	T08
313	NGUYỄN HOÀI NAM	1916	Nam	04/11/2007	1		1.00	30.42	405	T05
314	NGUYỄN KHÁNH NAM	1923	Nam	22/11/2007	1		1.00	28.60	406	T00
315	NGUYỄN TRUNG NAM	1931	Nam	03/11/2007	2NT		0.73	29.83	406	T05
316	PHẠM HỮU NAM	1936	Nam	07/05/2007	2NT		0.49	33.19	406	T05
317	BÀN HỮU NGÂN	1957	Nam	19/02/2007	1	01	3.67	33.47	406	T05
318	TÔNG THỊ KIM NGÂN	1962	Nữ	27/11/2007	1	01	3.67	28.67	406	T05
319	HÀ THỊ HỒNG NGÁT	1965	Nữ	09/09/2007	1	01	3.67	29.07	406	T10
320	ĐOÀN QUANG NGỌC	1987	Nam	14/10/2006	2		0.33	28.23	406	T09
321	HỒ KHẮC NGỌC	1988	Nam	14/10/2006	2NT		0.67	28.87	406	T08
322	NGUYỄN HUYỀN KHÁNH NGỌC	1995	Nữ	08/01/2006	1		0.86	32.26	406	T00

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
323	TRẦN VƯƠNG BẢO NGỌC	2004	Nam	22/02/2007	2		0.37	29.07	406	T09
324	TRƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC	2005	Nữ	19/04/2007	2NT		0.56	32.23	405	T05
325	ĐỖ ĐỨC NGUYỄN	2009	Nam	20/08/2007	1		1.00	28.80	406	T00
326	NGUYỄN BÁ KHÔI NGUYỄN	2015	Nam	29/09/2007	2NT		0.70	30.30	406	T09
327	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	2018	Nữ	27/02/2007	2		0.30	31.20	406	T08
328	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	2021	Nam	29/06/2007	2		0.28	31.70	405	T05
329	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	2022	Nam	28/11/2006	1		0.98	31.18	406	T00
330	PHẠM KHÔI NGUYỄN	2025	Nam	24/06/2006	2NT		0.67	29.27	406	T10
331	TRẦN PHÚC LÂM NGUYỄN	2030	Nam	07/01/2007	2NT		0.67	28.67	406	T10
332	HOÀNG VĂN NHÀN	2040	Nam	10/08/2007	2NT		0.66	30.76	406	T00
333	NGUYỄN VĂN NHẬT	2052	Nam	10/01/2007	2NT		0.46	33.63	405	T10
334	NGÔ YẾN NHI	2070	Nữ	17/11/2007	1		1.06	30.46	406	T00
335	NGUYỄN UYÊN NHI	2072	Nữ	01/01/2007	1		0.88	32.05	405	T10
336	PHAN THỊ YẾN NHI	2076	Nữ	14/02/2007	2		0.34	29.94	406	T05
337	PHẠM HUYỀN NHUNG	2093	Nữ	08/03/2007	2NT		0.44	33.84	406	T00
338	NGUYỄN ĐỖ NGỌC NINH	2096	Nam	23/07/2007	1		1.00	28.40	406	T08
339	LÊ AN PHÁT	2110	Nam	12/11/2007	2NT		0.60	31.70	406	T00
340	TRỊNH PHÁT	2116	Nam	21/02/2007	3		0.00	30.42	405	T05
341	BÙI MẠNH PHONG	2121	Nam	19/11/2007	2		0.22	33.62	406	T09
342	LÊ GIA PHONG	2127	Nam	31/07/2007	1		0.99	31.09	406	T10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
343	NGUYỄN ANH PHONG	2130	Nam	12/02/2007	3		0.00	33.90	406	T05
344	NGUYỄN CHÍ VĨ PHONG	2131	Nam	10/01/2006	2		0.24	33.04	406	T00
345	NGUYỄN NHẬT PHONG	2136	Nam	26/06/2007	3		0.00	30.30	406	T08
346	VÀNG TIẾN PHONG	2141	Nam	06/07/2007	1	01	3.67	31.59	405	T05
347	LƯƠNG BẢO PHÚ	2149	Nam	13/07/2006	1	01	3.67	30.47	406	T10
348	CHU HỒNG PHÚC	2155	Nam	03/11/2007	2		0.27	32.17	406	T09
349	ĐÀO TRỌNG PHÚC	2156	Nam	07/10/2006	2		0.22	33.42	406	T08
350	BÙI GIA QUÂN	2206	Nam	13/09/2007	1		1.00	30.40	406	T00
351	BÙI MẠNH QUÂN	2207	Nam	22/11/2007	2NT		0.69	30.36	405	T05
352	BÙI MINH QUÂN	2210	Nam	28/12/2006	1	01	3.67	34.57	406	T00
353	ĐINH VĂN QUÂN	2215	Nam	02/04/2007	2		0.29	31.39	406	T09
354	HÀ ANH QUÂN	2218	Nam	01/10/2007	1	01	3.67	31.27	406	T00
355	HOÀNG MẠNH QUÂN	2221	Nam	08/10/2007	2NT		0.61	31.53	405	T05
356	LÊ MINH QUÂN	2227	Nam	11/05/2007	3		0.00	31.60	406	T09
357	MAI BÁ MINH QUÂN	2231	Nam	24/02/2007	2NT		0.46	33.66	406	T09
358	NGÔ MẠNH QUÂN	2233	Nam	19/10/2007	2		0.29	31.49	406	T00
359	NGUYỄN ANH QUÂN	2235	Nam	21/12/2007	1		1.02	30.79	405	T10
360	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	2236	Nam	15/08/2007	2NT		0.56	32.26	406	T02
361	PHẠM MINH QUÂN	2247	Nam	29/08/2007	1		1.00	28.90	406	T02
362	PHẠM QUỐC QUÂN	2260	Nam	08/01/2006	3		0.00	33.40	406	T09
363	BÙI ĐĂNG QUANG	2261	Nam	07/01/2007	3		0.00	33.60	406	T10
364	ĐOÀN VINH QUANG	2262	Nam	02/07/2007	2		0.25	32.67	405	T05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
365	NGUYỄN HỮU QUANG	2270	Nam	25/05/2007	2		0.33	28.43	406	T09
366	NGUYỄN KIM QUANG	2271	Nam	14/09/2007	1		1.00	28.90	406	T09
367	NGUYỄN MINH QUANG	2272	Nam	16/05/2007	1		0.85	32.31	406	T09
368	TRẦN LÊ QUANG	2280	Nam	26/12/2007	2		0.20	34.22	405	T09
369	LÒ THẠCH QUẾ	2284	Nam	16/06/2007	1	01	4.07	32.97	406	T05
370	LÊ THẾ QUỐC	2288	Nam	11/03/2007	2NT		0.70	30.20	406	T00
371	KHƯƠNG SỸ QUYỀN	2305	Nam	05/03/2007	2NT		0.64	31.14	406	T09
372	LƯU THẾ QUYỀN	2307	Nam	29/03/2007	2NT		0.61	31.53	405	T05
373	NGUYỄN CẢNH QUYỀN	2308	Nam	17/06/2007	2NT		0.78	29.18	406	T02
374	TRẦN VIỆT QUYẾT	2317	Nam	23/08/2006	2		0.33	28.25	405	T05
375	ĐOÀN VĂN SÁNG	2335	Nam	30/03/2006	2		0.27	32.17	406	T09
376	NGUYỄN QUANG SÁNG	2337	Nam	12/05/2007	2		0.26	32.43	405	T10
377	ĐẶNG ĐÌNH ĐĂNG SOÁI	2341	Nam	04/09/2007	3		0.00	31.30	406	T09
378	BÙI VĂN SƠN	2347	Nam	12/05/2006	2		0.25	32.55	406	T09
379	HOÀNG CÔNG SƠN	2356	Nam	10/06/2007	2		0.30	31.10	406	T08
380	LẠI NGUYỄN NGỌC SƠN	2358	Nam	18/11/2007	2		0.33	28.73	406	T09
381	NGUYỄN HẢI SƠN	2363	Nam	30/08/2007	2NT		0.66	30.86	406	T10
382	NGUYỄN QUỐC SƠN	2370	Nam	23/06/2007	2	01	3.00	31.90	406	T08
383	NGUYỄN THÁI SƠN	2371	Nam	05/08/2007	1	01	3.67	30.27	406	T00
384	NGUYỄN TRỌNG TRƯỜNG SƠN	2375	Nam	16/07/2007	2		0.21	33.88	405	T05
385	PHẠM TÔN SƠN	2380	Nam	21/11/2007	2NT		0.72	30.02	406	T08

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
386	QUẢNG VĂN SƠN	2383	Nam	10/11/2007	1	01	3.67	29.17	406	T10
387	VŨ HỒNG SƠN	2392	Nam	22/04/2007	2		0.37	29.17	406	T09
388	TẦN MINH TẢ	2398	Nam	20/07/2006	1	01	3.67	30.17	406	T00
389	HỒ HỮU TÀI	2402	Nam	25/09/2007	1		0.85	32.35	406	T08
390	TẠ THANH TÀI	2410	Nam	13/03/2007	1		1.05	30.55	406	T09
391	BÙI THỊ HIỀN TÂM	2412	Nữ	14/06/2007	1	01	3.67	30.84	405	T05
392	TẠ ĐỨC TÂM	2422	Nam	17/02/2007	1		1.00	28.40	406	T02
393	THÂN TUỆ TÂM	2423	Nữ	05/11/2006	1		1.00	28.00	406	T05
394	TỔNG THỊ TÂM	2424	Nữ	25/04/2007	2NT		0.60	31.70	406	T02
395	NGUYỄN THỊ TÂM	2428	Nữ	06/01/2007	2		0.33	28.75	405	T05
396	NGUYỄN THÀNH TÂN	2430	Nam	22/01/2007	1		1.01	30.91	406	T00
397	TRẦN PHAN TẤN	2433	Nam	18/05/2007	3		0.00	30.60	406	T00
398	TRẦN TRỌNG TẤN	2435	Nam	17/09/2007	2		0.33	30.33	406	T09
399	NGÔ ĐÌNH THÁI	2442	Nam	10/07/2007	2NT		0.67	28.09	405	T10
400	NGUYỄN KIM THẮNG	2471	Nam	07/02/2003			0.00	29.50	406	T08
401	SĨ MINH THẮNG	2476	Nam	13/12/2007	2		0.37	29.07	406	T08
402	HOÀNG TIẾN THÀNH	2502	Nam	29/01/2007	1	01	3.67	30.77	406	T02
403	LÊ ĐỨC THÀNH	2508	Nam	17/02/2007	2NT		0.44	33.86	405	T05
404	MAI TIẾN THÀNH	2516	Nam	12/12/2007	1	01	4.16	32.83	405	T05
405	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	2522	Nam	21/07/2005			0.00	28.90	406	T09
406	NGUYỄN MINH THÀNH	2527	Nam	11/12/2006	3		0.00	28.00	406	T10
407	NGUYỄN TRUNG THÀNH	2530	Nam	17/09/2007	3		0.00	28.90	406	T08

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đôi tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
408	TẠ TRƯỞNG GIA THÀNH	2534	Nam	06/09/2007	2		0.22	33.64	405	T10
409	TRẦN THỂ THÀNH	2539	Nam	20/04/2007	1	01	2.42	35.84	405	T10
410	NGÔ QUANG THAO	2544	Nam	17/12/2007	1		0.98	31.15	405	T05
411	ĐÌNH THỊ THANH THẢO	2547	Nữ	28/10/2007	1	01	3.61	33.78	405	T05
412	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO	2555	Nữ	29/10/2007	1		1.00	29.92	405	T05
413	QUÁCH THỊ THẢO	2558	Nữ	31/01/2007	1	01	3.67	29.59	405	T05
414	LÂM VIỆT THIỆN	2567	Nam	26/10/2007	2NT		0.70	30.20	406	T02
415	LÝ ĐỨC THIỆN	2568	Nam	05/05/2007	2		0.22	33.64	405	T10
416	HOÀNG ĐỨC THIỆP	2575	Nam	21/10/2007	1	01	3.70	33.62	405	T05
417	MA NGỌC THIỆP	2576	Nam	11/12/2007	1	01	3.67	30.17	406	T09
418	ĐỖ HÙNG THỊNH	2582	Nam	17/12/2007	1		0.79	32.89	406	T00
419	KHÔNG DUY THỊNH	2586	Nam	28/07/2007	2		0.31	30.98	405	T05
420	LÊ HẢI THỊNH	2587	Nam	01/10/2007	2		0.31	30.81	406	T10
421	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	2592	Nam	27/05/2007	1		1.00	28.10	406	T10
422	NGUYỄN VĂN THỊNH	2593	Nam	09/03/1995		01	2.67	28.37	406	T05
423	TRẦN ĐỨC THỊNH	2595	Nam	18/03/2007	2		0.36	29.53	405	T10
424	VŨ VIỆT THỊNH	2596	Nam	12/03/2007	2NT		0.50	33.10	406	T02
425	BÙI PHƯƠNG THU	2603	Nữ	31/07/2007	1	01	3.67	31.84	405	T05
426	KIỀU ĐỨC THUẬN	2629	Nam	20/11/2007	1		0.93	31.60	405	T10
427	MAI TIẾN THUẬN	2631	Nam	16/03/2006	2		0.32	30.52	406	T08
428	CHU THỊ THỦY	2643	Nữ	21/05/2007	2		0.28	31.95	405	T10

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
429	TRẦN THỊ THANH THỦY	2653	Nữ	21/11/2007	2NT		0.65	30.92	405	T09
430	HOÀNG MINH THUYỀN	2655	Nam	26/05/2007	1	01	3.79	33.46	405	T05
431	DƯƠNG ĐÌNH TIẾN	2661	Nam	16/09/2007	1	01	3.74	33.54	406	T09
432	TRẦN NHẬT TIẾN	2683	Nam	25/06/2007	1		1.00	30.92	405	T10
433	TRƯƠNG ĐỨC TIẾN	2686	Nam	17/05/2007	2NT		0.67	28.34	405	T10
434	NGUYỄN HƯNG TÍN	2688	Nam	13/04/2007	2		0.28	31.95	405	T10
435	NGUYỄN THỊ TÌNH	2691	Nữ	17/06/2006	3		0.00	30.90	406	T02
436	HOÀNG PHÚC TOÀN	2700	Nam	14/06/2006	2NT		0.67	28.34	405	T05
437	NINH THANH TOÀN	2710	Nam	17/05/2007	2NT		0.44	33.94	406	T00
438	TÔNG MẠNH TOÀN	2716	Nam	10/05/2007	1	01	3.67	29.59	405	T10
439	BÙI SƠN TRÀ	2725	Nam	19/11/2007	1	01	3.63	33.73	406	T02
440	ĐẶNG VĂN TRÂM	2729	Nam	20/06/2007	1	01	3.67	31.34	405	T10
441	BÙI THỊ HUYỀN TRANG	2734	Nữ	28/07/2007	2NT		0.67	29.47	406	T05
442	LÊ THỊ QUỲNH TRANG	2740	Nữ	09/09/2005			0.00	29.10	406	T02
443	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	2746	Nữ	07/10/2007	2NT		0.56	32.26	406	T05
444	NGUYỄN THU TRANG	2750	Nữ	01/01/2007	3		0.00	31.40	406	T00
445	TUỐNG NGỌC TRANG	2763	Nữ	08/06/2007	1	01	4.16	32.83	405	T10
446	VŨ MINH TRANG	2764	Nữ	01/01/2007	2		0.33	28.25	405	T10
447	CAO HỒ TRE	2766	Nam	26/04/2007	1	01	3.67	29.87	406	T09
448	BÙI QUỐC TRUNG	2793	Nam	14/01/2007	1	01	3.67	29.77	406	T08
449	LÊ NHÂN TRUNG	2798	Nam	15/10/2007	2		0.35	29.77	405	T05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
450	NGUYỄN QUỐC TRUNG	2803	Nam	30/11/2007	1	01	3.67	31.84	405	T10
451	NGUYỄN THÀNH TRUNG	2805	Nam	11/05/2007	2		0.33	29.00	405	T10
452	PHẠM HỮU TRUNG	2808	Nam	02/01/2007	1		1.00	29.20	406	T00
453	BÙI ĐÌNH TRƯỜNG	2823	Nam	20/11/2007	1	01	4.04	33.04	406	T00
454	NGUYỄN ĐAN TRƯỜNG	2836	Nam	21/05/2007	2		0.24	33.04	406	T10
455	NGUYỄN SƠN TRƯỜNG	2840	Nam	13/11/2007	2		0.33	30.25	405	T10
456	PHẠM CAO TRƯỜNG	2844	Nam	21/02/2007	2NT		0.70	30.20	406	T09
457	TRẦN VĂN TRƯỜNG	2847	Nam	26/02/2007	2		0.29	31.49	406	T09
458	TRẦN ĐĂNG TRƯỜNG	2852	Nam	23/12/2007	2NT		0.66	30.86	406	T08
459	DƯƠNG TUẤN TÚ	2863	Nam	18/11/2007	2NT		0.67	29.97	406	T00
460	HÀ ANH TÚ	2864	Nam	03/11/2007	1	01	3.67	33.59	405	T10
461	NGUYỄN ANH TÚ	2874	Nam	03/05/2006	2		0.29	31.39	406	T09
462	NÔNG ANH TÚ	2893	Nam	20/08/2007	1	01	3.67	31.34	405	T05
463	ĐINH TIẾN TUÂN	2903	Nam	24/09/2007	2NT		0.78	29.08	406	T09
464	HOÀNG VĂN TUÂN	2905	Nam	21/08/2007	2NT		0.55	32.35	406	T08
465	HÀ CÔNG TUẤN	2917	Nam	13/04/2003		01	2.67	30.27	406	T08
466	NGÔ VĂN TUẤN	2930	Nam	02/07/2007	2		0.26	32.26	406	T00
467	NGUYỄN ANH TUẤN	2932	Nam	16/10/2007	2		0.38	28.98	406	T00
468	NGUYỄN HOÀNG ANH TUẤN	2937	Nam	08/02/2007	2		0.33	28.43	406	T02
469	NGUYỄN THANH TUẤN	2944	Nam	02/03/2007	2		0.36	29.56	406	T08
470	NGUYỄN XUÂN TUẤN	2947	Nam	08/06/2007	2		0.30	31.22	405	T05

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
471	TRẦN DƯƠNG ANH TUẤN	2962	Nam	02/03/2007	2NT		0.40	34.50	406	T10
472	KIỀU THANH TÙNG	2981	Nam	28/01/2007	1		0.75	33.25	406	T02
473	LÊ THANH TÙNG	2985	Nam	08/01/2007	2NT		0.52	32.72	406	T00
474	NGUYỄN DUY TÙNG	2994	Nam	17/03/2007	2		0.31	31.01	406	T08
475	NGUYỄN SƠN TÙNG	2997	Nam	13/02/2006	2NT		0.74	29.64	406	T08
476	PHAN MẠNH TÙNG	3004	Nam	15/06/2007	2NT		0.67	29.27	406	T09
477	QUAN THANH TÙNG	3005	Nam	15/01/2007	1	01	4.07	32.99	405	T10
478	BÙI DUY TUYÊN	3017	Nam	10/11/2007	1	01	3.67	30.09	405	T10
479	HOÀNG THẾ TUYÊN	3018	Nam	12/05/2007	1	01	3.56	33.86	406	T10
480	ĐINH TRIỆU GIA TUYÊN	3024	Nam	03/10/2007	1	01	3.67	32.69	405	T10
481	ĐÀO THỊ THANH VÂN	3043	Nữ	29/03/2007	2NT		0.69	30.39	406	T09
482	NGUYỄN THỊ THÚY VÂN	3049	Nữ	18/02/2007	2NT		0.67	28.27	406	T00
483	NGUYỄN HOÀNG VẤN	3050	Nam	28/05/2007	2NT		0.67	28.97	406	T02
484	LỤC THÚY VI	3053	Nữ	20/01/2007	1	01	3.67	32.34	405	T10
485	NGUYỄN KHÁNH VI	3054	Nữ	04/01/2007	2		0.38	28.88	406	T02
486	BÙI ANH VIỆT	3058	Nam	18/02/2007	1	01	2.05	36.47	405	T05
487	NGUYỄN QUỐC VIỆT	3074	Nam	07/04/2007	1		1.06	30.46	406	T05
488	NGUYỄN VĂN VIỆT	3076	Nam	28/03/2007	3		0.00	29.90	406	T05
489	NGUYỄN QUANG VINH	3094	Nam	29/01/2007	3		0.00	32.30	406	T00
490	KIỀU ANH VŨ	3108	Nam	13/01/2007	2		0.36	29.56	406	T10
491	NGUYỄN TÀI NGUYÊN VŨ	3117	Nam	03/08/2007	3		0.00	32.60	406	T00
492	PHẠM ANH VŨ	3121	Nam	07/11/2007	2NT		0.62	31.42	406	T00

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ HLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
493	TRẦN ANH VŨ	3124	Nam	15/08/2007	1		1.08	30.25	405	T10
494	VƯƠNG TRƯỜNG VŨ	3129	Nam	08/04/2007	2		0.33	28.43	406	T09
495	NGUYỄN KIM VƯƠNG	3132	Nam	02/11/2007	3		0.00	31.30	406	T09
496	XA THỊ HÀ VY	3147	Nữ	25/10/2007	1	01	3.67	31.84	405	T10
497	LÝ HẢI YẾN	3165	Nữ	03/01/2007	1	01	3.67	32.67	406	T08
498	NGUYỄN HỒNG YẾN	3166	Nữ	27/07/2007	2		0.23	33.23	406	T09

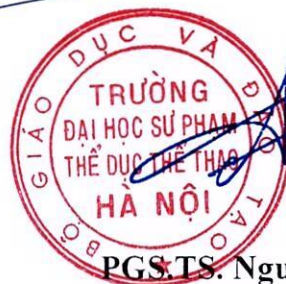
Tổng cộng có **498** thí sinh trong danh sách trúng tuyển ngành Huấn luyện Thể thao - kỳ tuyển sinh Đại học Chính quy năm 2025, đợt 1.

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG *Uhe*

[Signature]
ThS. Ngô Xuân Đức



[Signature]
PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

*** GHI CHÚ :**

Phương thức xét tuyển : PTXT 405 = Kết quả thi THPT, PTXT 406 = Kết quả học tập lớp 12 THPT. Các tổ hợp xét tuyển : T00 = Toán – Sinh – NK, T02 = Ngữ văn – Sinh – NK, T05 = Ngữ văn – GD CD – NK, T08 = Toán – GD CD – NK, T09 = Toán – Lịch sử – NK, T10 = Ngữ văn – Lịch sử – NK. NK = điểm năng khiếu TDTT tính hệ số 2. GD CD = Giáo dục công dân/Giáo dục kinh tế pháp luật. Tổng điểm xét tuyển (theo thang điểm 40) đã bao gồm điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, điểm quy đổi tương đương tính theo Quy chế tuyển sinh đại học năm 2025 của trường.

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Điểm tương đương	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
1	BÙI THỊ THU AN	0003	Nữ	31/07/2007	2		0.15	35.50	405	T05
2	DƯƠNG VĂN AN	0011	Nam	04/12/2007	1	01	3.08	34.68	406	T09
3	LÊ TRỌNG AN	0014	Nam	19/10/2006	1	01	3.15	34.57	405	T05
4	BÙI THỊ MAI ANH	0038	Nữ	04/10/2006	1	01	2.83	35.13	406	T02
5	CAO ĐĂNG PHƯƠNG ANH	0043	Nam	28/03/2007	2NT	01	2.44	35.14	406	T00
6	ĐẶNG MAI ANH	0050	Nữ	08/11/2007	1		0.19	38.27	405	T10
7	ĐÀO ĐỨC ANH	0053	Nam	27/11/2007	2		0.11	36.81	406	T08
8	HÀ CÔNG ANH	0070	Nam	31/12/2007	1	01	1.47	37.47	405	T05
9	HÀ TRƯỜNG ANH	0073	Nam	14/05/2007	1	01	2.39	35.89	405	T05
10	HOÀNG NGỌC ANH	0081	Nữ	30/11/2007	1	01	3.24	34.41	405	T10
11	HOÀNG THẾ ANH	0083	Nam	16/01/2007	2NT		0.19	37.39	406	T00
12	KHÚC PHƯƠNG ANH	0085	Nữ	20/03/2007	2		0.13	36.23	406	T00
13	NGUYỄN SỸ TUẤN ANH	0142	Nam	12/10/2004			0.00	35.70	406	T09
14	PHẠM QUANG ANH	0168	Nam	24/10/2007	2		0.12	36.34	405	T10
15	QUÁCH TUẤN ANH	0184	Nam	26/09/2007	1	01	3.02	34.79	405	T10
16	QUẢNG TUẤN ANH	0185	Nam	26/08/2007	1	01	3.67	34.57	406	T09

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ GDTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
17	TRẦN HÀ ANH	0191	Nữ	20/08/2007	3		0.00	37.17	405	T05
18	LƯƠNG NGỌC ÁNH	0229	Nữ	15/11/2007	3		0.00	34.92	405	T05
19	NGUYỄN TÚ ÁNH	0233	Nam	27/10/2007	2NT		0.36	35.03	405	T05
20	NGUYỄN XUÂN ÁNH	0234	Nam	28/05/2007	2NT		0.37	34.79	405	T10
21	CÀM XUÂN BẮC	0240	Nam	24/03/2007	1	01	2.51	35.68	405	T05
22	VI TRUNG BÁCH	0256	Nam	10/11/2007	1	01	2.94	34.94	406	T02
23	HỒ SỸ GIA BẢO	0271	Nam	04/12/2007	2		0.18	34.85	405	T05
24	TRIỆU DUY BẢO	0296	Nam	21/05/2007	1	01	1.87	36.79	405	T05
25	TRƯƠNG THIẾT BẢO	0300	Nam	12/11/2007	2		0.15	35.68	405	T05
26	QUÁCH THANH CẢNH	0344	Nam	01/07/2007	1	01	2.23	36.15	405	T10
27	TRẦN KHÁNH CHI	0370	Nữ	22/12/2007	2NT		0.42	34.09	405	T05
28	BÙI TRUNG CHÍNH	0390	Nam	09/10/2007	1	01	3.27	34.37	406	T05
29	HUỲNH MINH CHUẨN	0399	Nam	30/09/2007	2NT		0.30	35.83	405	T05
30	TRƯƠNG VĂN CHUNG	0405	Nam	01/11/2007	1	01	2.97	34.89	405	T10
31	TĂNG VIỆT CƯỜNG	0450	Nam	14/09/2007	1	01	1.46	37.48	405	T10
32	TÔ VĂN DIỆN	0465	Nam	29/10/2007	2		0.15	35.50	405	T05

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đôi tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
33	BÙI THỊ NGỌC DIỆP	0466	Nữ	21/02/2007	1	01	1.96	36.63	405	T05
34	LÒ THỊ DIỆP	0470	Nữ	26/08/2007	1	01	2.84	35.11	405	T10
35	ĐỖ VIỆT DOANH	0476	Nam	13/06/2007	2NT		0.42	34.22	406	T08
36	DƯƠNG TIỀN DOANH	0477	Nam	09/11/2007	1	01	3.67	34.57	406	T08
37	TRẦN XUÂN DUẤN	0482	Nam	17/07/2006	2NT		0.31	35.73	405	T05
38	BÙI TIỀN DŨNG	0490	Nam	01/06/2007	2		0.13	36.13	406	T02
39	NGUYỄN ANH DŨNG	0528	Nam	24/08/2007	2NT		0.42	34.09	405	T10
40	NGUYỄN ANH DŨNG	0529	Nam	23/07/2007	2		0.07	38.04	405	T10
41	NGUYỄN TIỀN DŨNG	0541	Nam	20/07/2007	1		0.63	34.30	405	T05
42	NGUYỄN KHÁNH DUY	0631	Nam	22/11/2007	1		0.43	36.13	406	T05
43	NGUYỄN MẠNH DUY	0632	Nam	12/08/2007	1		0.61	34.51	406	T08
44	NÔNG KHÁNH DUY	0637	Nam	25/06/2006	1	01	2.90	35.00	406	T02
45	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	0687	Nam	01/04/2007	1		0.53	35.20	405	T10
46	PHẠM HẢI ĐĂNG	0694	Nam	13/11/2007	2		0.18	34.58	406	T00
47	PHAN TIỀN ĐẠT	0749	Nam	20/11/2006	2NT		0.42	34.12	406	T05
48	VŨ TIỀN ĐẠT	0760	Nam	01/09/2007	2NT		0.19	37.29	406	T05

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
49	ĐẶNG NGỌC ĐIỆP	0766	Nam	25/09/2007	2		0.20	34.20	406	T08
50	VI NGỌC BẢO ĐIỆP	0768	Nam	14/02/2007	1	01	2.23	36.15	405	T10
51	BÙI TRUNG ĐỨC	0788	Nam	10/08/2007	1		0.48	35.68	406	T00
52	ĐỖ VIỆT ĐỨC	0799	Nam	08/07/2007	2		0.06	38.33	405	T10
53	NGUYỄN QUÝ ĐỨC	0817	Nam	24/07/2007	2NT		0.43	34.03	406	T08
54	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	0821	Nam	19/07/2007	2		0.12	36.52	405	T10
55	NGUYỄN VĂN ĐỨC	0824	Nam	10/01/2007	2		0.07	37.97	405	T10
56	NINH CÔNG ĐỨC	0828	Nam	17/02/2007	2NT		0.38	34.68	406	T05
57	PHẠM DUY ĐỨC	0829	Nam	11/10/2007	1		0.56	34.98	405	T10
58	PHẠM MINH ĐỨC	0830	Nam	04/10/2007	2		0.18	34.58	406	T00
59	TRẦN MINH ĐỨC	0838	Nam	11/03/2007	1		0.33	37.05	405	T05
60	SA THỌ ĐƯƠNG	0849	Nam	14/08/2006	1	01	3.38	34.18	406	T09
61	CHU THỊ HƯƠNG GIANG	0854	Nữ	11/02/2007	3		0.00	36.30	406	T05
62	LÒ TRƯỜNG GIANG	0865	Nam	20/02/2007	1	01	2.60	35.52	405	T10
63	NGUYỄN MINH GIANG	0868	Nam	26/12/2007	2NT		0.36	35.03	405	T05
64	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	0872	Nam	17/06/2007	2		0.16	35.33	405	T10

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Điểm tương đương	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
65	BÙI THUYẾT HÀ	0883	Nữ	14/08/2007	1	01	1.68	37.10	405	T05
66	NGUYỄN HOÀNG HÀ	0888	Nam	11/02/2006	2		0.16	35.46	406	T09
67	PHẠM THU HÀ	0900	Nữ	17/06/2007	2		0.13	36.33	406	T02
68	CÀM VĂN HẢI	0910	Nam	01/01/2007	1	01	1.68	37.10	405	T05
69	CAO NGỌC HẢI	0911	Nam	01/12/2007	1	01	1.68	37.10	405	T05
70	ĐIỀU THỂ HẢI	0914	Nam	11/11/2007	1	01	3.16	34.56	406	T00
71	TRẦN NGỌC HẢI	0938	Nam	11/05/2007	2NT		0.41	34.31	406	T05
72	VŨ THỊ HÂN	0943	Nữ	10/04/2007	2		0.16	35.36	406	T08
73	NGUYỄN THỊ BÍCH HẰNG	0947	Nữ	14/07/2007	2		0.06	38.14	405	T05
74	HOÀNG THANH HÀO	0957	Nam	13/04/2007	1	01	1.77	36.94	405	T10
75	BÙI KHẮC HẬU	0964	Nam	26/12/2007	1	01	3.24	34.41	405	T05
76	PHẠM THỊ ÚT HIỀN	0973	Nữ	24/02/2007	1	01	2.57	35.57	406	T09
77	BÙI VĂN HIẾU	0993	Nam	15/06/2007	2NT	01	0.62	38.75	405	T05
78	CHU ĐỨC HIẾU	0996	Nam	08/01/2007	1		0.50	35.50	406	T00
79	LÊ ĐỒNG HIẾU	1020	Nam	19/06/2007	2		0.11	36.91	406	T09
80	LÊ VĂN HIẾU	1022	Nam	03/09/2007	2NT		0.18	37.45	405	T05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ GDTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
81	LỤC TRUNG HIẾU	1025	Nam	15/01/2007	1	01	2.69	35.36	405	T05
82	LƯU XUÂN HIẾU	1026	Nam	13/03/2007	2		0.13	36.13	406	T08
83	NGUYỄN HUY HIẾU	1033	Nam	23/06/2007	2NT		0.38	34.78	406	T09
84	SÙNG NGỌC HIẾU	1053	Nam	01/06/2007	2		0.14	35.94	406	T00
85	TRIỆU TÒN HIẾU	1061	Nam	06/08/2007	1	01	3.33	34.25	405	T10
86	NÔNG VĂN HÌNH	1075	Nam	05/05/2007	1	01	3.01	34.81	406	T00
87	BÙI THỊ KIỀU HOA	1076	Nữ	18/12/2007	1	01	1.14	38.04	406	T08
88	BÙI MINH HÒA	1081	Nam	28/04/2006	1	01	2.94	34.94	406	T10
89	CHÂU KHÁNH HÒA	1082	Nữ	08/03/2007	1	01	3.08	34.68	406	T08
90	ĐÀO PHẠM XUÂN HÒA	1091	Nam	02/08/2006	2		0.20	34.20	406	T00
91	BÙI NAM HOÀNG	1104	Nam	30/12/2007	1	01	3.23	34.43	406	T10
92	ĐỖ MINH HOÀNG	1107	Nam	01/04/2007	3		0.00	35.90	406	T08
93	NGUYỄN HUY HOÀNG	1130	Nam	23/11/2007	1		0.56	34.98	405	T05
94	PHẠM VŨ MINH HOÀNG	1146	Nam	16/03/2007	1		0.63	34.30	405	T05
95	PHÙNG THỪA HỒNG	1165	Nam	12/08/2007	1	01	2.78	35.20	405	T05
96	CÀ ĐÌNH HÙNG	1179	Nam	06/05/2007	1	01	3.19	34.49	406	T00

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
97	ĐOÀN XUÂN HÙNG	1186	Nam	22/02/2007	2NT		0.37	34.79	405	T05
98	LÊ DUY HÙNG	1192	Nam	11/01/2007	1		0.46	35.88	405	T05
99	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	1205	Nam	09/01/2007	2NT		0.37	34.87	406	T08
100	VŨ SINH HÙNG	1214	Nam	26/02/2007	2NT		0.39	34.59	406	T00
101	DƯƠNG TUẤN HÙNG	1225	Nam	11/09/2007	2NT		0.37	34.79	405	T10
102	LÊ NGỌC HÙNG	1228	Nam	19/01/2006	2		0.06	38.36	406	T08
103	TRÁNG ĐỨC HÙNG	1260	Nam	23/03/2007	1	01	3.24	34.41	405	T10
104	VI VĂN HÙNG	1262	Nam	24/01/2006		TT				
105	ĐỖ THỊ THU HƯƠNG	1267	Nữ	12/08/2007	2		0.15	35.55	406	T09
106	ĐỐI ĐỖ ANH HUY	1303	Nam	01/10/2007	2		0.17	35.17	406	T10
107	HÀ QUANG HUY	1305	Nam	16/09/2006		TT				
108	HOÀNG QUỐC HUY	1308	Nam	10/10/2007	2NT		0.38	34.68	406	T00
109	TRƯƠNG VĂN HUY	1369	Nam	22/03/2007	1	01	1.50	37.42	405	T05
110	BÙI THỊ THANH HUYỀN	1372	Nữ	05/01/2007	1	01	2.78	35.20	405	T05
111	NGUYỄN PHÚC KHANG	1405	Nam	11/12/2007	2NT		0.25	36.47	405	T05
112	MA ĐÌNH KHANH	1410	Nam	03/01/2007	1	01	2.42	35.84	405	T10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ GDTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
113	BÙI NAM KHÁNH	1415	Nam	01/08/2007	1	01	1.89	36.74	405	T05
114	BÙI NAM KHÁNH	1416	Nam	23/09/2007	1	01	2.05	36.47	405	T10
115	LUÂN QUỐC KHÁNH	1428	Nam	22/02/2007	1	01	2.32	35.99	405	T10
116	ĐÀO TRUNG KIÊN	1500	Nam	14/01/2007	2NT		0.30	35.80	406	T09
117	CHU TUẤN KIẾT	1528	Nam	21/09/2007	1	01	2.20	36.20	406	T10
118	ĐỖ TUẤN KIẾT	1529	Nam	28/08/2007	2		0.19	34.49	406	T05
119	HÀ ANH KIẾT	1530	Nam	22/04/2007	1	01	2.87	35.04	405	T10
120	PHÙNG ANH KIẾT	1535	Nam	19/05/2007	2		0.19	34.36	405	T05
121	VÀNG VĂN KIM	1538	Nam	21/04/2007	1	01	2.87	35.04	405	T10
122	ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN	1566	Nữ	03/04/2007	2		0.18	34.60	405	T05
123	ĐÈO CÔNG LẬP	1572	Nam	08/08/2007	1	01	3.24	34.41	405	T10
124	ĐẶNG NGỌC LINH	1588	Nam	18/07/2006	2		0.12	36.62	406	T08
125	ĐÀO ĐỨC LINH	1589	Nam	17/12/2007	1		0.40	36.40	406	T09
126	ĐOÀN MAI LINH	1593	Nữ	03/10/2007	1	01	2.86	35.06	406	T10
127	NGUYỄN TUẤN LINH	1621	Nam	07/10/2004		01	1.69	35.36	405	T05
128	QUỐC HOÀI LINH	1632	Nữ	14/02/2007	1	01	2.51	35.68	405	T05

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
129	TRƯỜNG VĂN LINH	1640	Nam	16/08/2007	1	01	2.69	35.36	405	T05
130	TẦN LAO LỖ	1643	Nam	23/05/2007	1	01	3.06	34.73	405	T10
131	BÙI ĐỨC LỘC	1648	Nam	29/05/2007	1	01	2.68	35.38	406	T05
132	LẠI THỂ LONG	1674	Nam	25/06/2007	2		0.18	34.85	405	T10
133	ĐINH VĂN LUÂN	1703	Nam	09/03/2007	1	01	3.67	35.37	406	T02
134	CHU THÙY LY	1725	Nam	20/03/2007	1	01	1.87	36.79	405	T05
135	NÔNG THỊ KHÁNH LY	1734	Nữ	24/08/2006		TT				
136	CÁM THỊ QUỲNH MAI	1738	Nữ	03/11/2007	1	01	1.20	37.92	405	T05
137	MÁ THỊ HOA MAI	1742	Nữ	05/10/2007	1	01	0.57	39.02	405	T05
138	ĐINH ĐỨC MẠNH	1758	Nam	01/02/2007	1	01	1.77	36.94	405	T10
139	ĐINH VĂN MẠNH	1760	Nam	05/01/2007	1	01	2.94	34.94	406	T10
140	BÙI CHÍ MINH	1798	Nam	07/09/2007	1	01	2.97	34.89	405	T05
141	BÙI TÂN MINH	1799	Nam	11/04/2007	1	01	0.91	38.44	405	T05
142	LƯƠNG HOÀNG MINH	1822	Nam	17/03/2007	3		0.00	34.80	406	T02
143	NGUYỄN PHẠM NGỌC MINH	1841	Nam	25/11/2007	2NT		0.42	34.12	406	T00
144	ĐỖ THỊ TRÀ MY	1879	Nữ	10/03/2007	3		0.00	37.20	406	T10

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đôi tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
145	BÙI HOÀI NAM	1890	Nam	25/05/2007	1	01	3.33	34.25	405	T05
146	LÊ KHẮC NHẬT NAM	1900	Nam	24/11/2007	2NT		0.31	35.66	405	T10
147	LÝ VĂN NAM	1905	Nam	14/04/2004		01	2.08	34.28	406	T00
148	NGUYỄN HẢI NAM	1913	Nam	25/12/2007	1		0.65	34.15	406	T00
149	PHẠM HẢI NAM	1934	Nam	01/04/2007	2		0.20	34.10	406	T00
150	VŨ TRUNG NAM	1947	Nam	19/01/2007	1	01	3.24	34.41	405	T05
151	CAO THỊ KIM NGÂN	1958	Nữ	22/05/2007	1	01	1.04	38.21	405	T10
152	DƯƠNG THANH NGÂN	1959	Nữ	13/03/2007	3		0.00	36.00	406	T05
153	MA VĂN NGHỊ	1966	Nam	20/05/2007	1	01	2.87	35.04	405	T10
154	LÝ VĂN NGHIỆP	1979	Nam	11/05/2007	1	01	3.43	34.10	405	T10
155	VŨ TUẤN NGỌC	2006	Nam	28/10/2007	2NT		0.39	34.56	405	T05
156	LÊ SỸ NGUYỄN	2014	Nam	09/07/2007	3		0.00	35.10	406	T10
157	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	2023	Nam	03/06/2007	1		0.48	35.65	405	T05
158	NGUYỄN VŨ KHÔI NGUYỄN	2024	Nam	27/08/2007	2		0.10	37.20	406	T00
159	VŨ VĂN NGUYỄN	2033	Nam	25/08/2007	2		0.18	34.85	405	T10
160	NGUYỄN ĐỨC NGUYỄN	2034	Nam	13/02/2007	2		0.13	36.16	405	T10

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đôi tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
161	HOÀNG NHƯ NGUYỆT	2037	Nữ	28/10/2007	1	01	3.33	34.25	405	T10
162	BẾ ĐỨC NHÂN	2043	Nam	08/02/2007	1	01	2.39	35.89	406	T02
163	ĐỒNG THỊ YẾN NHI	2062	Nữ	20/11/2007	1		0.37	36.72	405	T05
164	BÙI THỊ NHƯ	2085	Nữ	06/11/2007	1	01	1.77	36.94	405	T10
165	NGUYỄN HỮU NINH	2097	Nam	08/11/2006	2		0.17	34.97	406	T08
166	BÙI HOÀNG PHI	2117	Nam	14/03/2007	1	01	3.38	34.18	406	T09
167	NGUYỄN HOÀNG PHI	2119	Nam	31/05/2007	1		0.65	34.15	406	T09
168	NGUYỄN NHẬT PHỒN	2120	Nam	17/11/2007	2		0.12	36.42	406	T08
169	HOÀNG NHẬT PHONG	2125	Nam	26/08/2007	2NT		0.29	35.96	405	T10
170	LÂM HOÀNG PHÚ	2147	Nam	12/06/2007	1		0.34	36.94	406	T00
171	NGUYỄN GIA HOÀNG PHÚC	2163	Nam	30/09/2007	3		0.00	34.67	405	T05
172	PHẠM VĂN PHÚC	2172	Nam	22/02/2007	1		0.56	34.98	405	T05
173	NGÔ ANH PHƯƠNG	2191	Nam	06/02/2007	3		0.00	35.58	405	T05
174	NGUYỄN LÊ MINH PHƯƠNG	2194	Nữ	09/07/2007	1		0.25	37.78	405	T10
175	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	2197	Nữ	28/03/2007	3		0.00	37.27	405	T05
176	PHẠM THỊ MAI PHƯƠNG	2199	Nữ	15/04/2007	2NT		0.34	35.26	405	T10

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
177	PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	2200	Nữ	13/05/2007	2NT		0.38	34.78	406	T05
178	PHẠM THỊ PHƯƠNG	2201	Nữ	08/09/2007	1	01	3.30	34.30	406	T02
179	CÁP XUÂN ANH QUÂN	2211	Nam	16/02/2007	2		0.17	35.17	406	T00
180	LÊ ANH QUÂN	2224	Nam	12/01/2007	2NT		0.41	34.31	406	T00
181	HOÀNG NHẬT QUANG	2264	Nam	08/02/2007	1	01	2.83	35.13	406	T09
182	PHÙNG ĐĂNG QUANG	2277	Nam	31/07/2007	2		0.12	36.42	406	T05
183	LÒ PHÚ QUÝ	2294	Nam	24/11/2007	1	01	1.59	37.26	405	T05
184	ĐOÀN HÀ QUYÊN	2298	Nữ	02/09/2007	2NT	06a	1.02	35.94	405	T10
185	LÊ THỊ QUYÊN	2300	Nữ	16/01/2007	3		0.00	37.50	406	T00
186	BÙI ANH QUYÊN	2303	Nam	08/11/2007	2NT		0.15	37.92	405	T10
187	NỊNH VĂN QUYÊN	2310	Nam	29/01/2007	1	01	2.51	35.68	405	T05
188	NGUYỄN MẠNH QUỲNH	2322	Nam	02/04/2007	1		0.31	37.23	405	T05
189	HÀ TẤN SANG	2328	Nam	10/04/2007	2NT	06a	1.04	35.84	406	T09
190	ĐAO LÂM SƠN	2350	Nam	18/04/2007	1	01	3.08	34.68	406	T09
191	HOÀNG TIẾN SƠN	2357	Nam	08/08/2007	1	01	3.12	34.62	406	T09
192	NGUYỄN HỒNG SƠN	2366	Nam	02/01/2007	1		0.19	38.27	405	T05

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ GDTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
193	PHÙNG ĐỨC SƠN	2382	Nam	14/08/2007	2		0.13	36.33	406	T00
194	TRẦN THÁI SƠN	2387	Nam	01/11/2007	1		0.44	36.04	406	T00
195	PHAN ANH TÀI	2409	Nam	25/02/2006	3		0.00	34.80	406	T10
196	BÙI XUÂN TÂM	2413	Nam	18/11/2007	1	01	3.67	34.27	406	T10
197	VŨ VĂN TẤN	2436	Nam	03/03/2006		TT				
198	MA VĂN THÁI	2441	Nam	18/03/2007	1	01	1.87	36.79	405	T10
199	SÙNG A THÁI	2454	Nam	15/11/2007	1	01	3.06	34.73	405	T05
200	BÙI HOÀNG GIA THẮNG	2460	Nam	14/03/2006	1	01	2.86	35.06	406	T10
201	ĐÀO NGỌC THẮNG	2463	Nam	27/10/2007	2NT		0.24	36.66	405	T05
202	HỨA MẠNH THẮNG	2464	Nam	09/05/2006	1	01	2.05	36.47	405	T05
203	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	2468	Nam	01/07/2007	2NT	01	1.78	36.45	405	T10
204	NGUYỄN HỮU THANH	2491	Nam	21/04/2007	2NT		0.22	36.92	406	T00
205	BÙI TUẤN THÀNH	2497	Nam	08/05/2007	1	01	2.69	35.36	405	T05
206	BÙI VĂN THÀNH	2498	Nam	20/01/2007	2		0.19	34.49	406	T00
207	ĐẶNG THỂ THÀNH	2499	Nam	06/11/2007	2NT		0.36	35.03	405	T05
208	LÊ THANH PHƯỚC THÀNH	2510	Nam	27/10/2006	2NT		0.18	37.45	405	T10

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
209	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	2521	Nam	05/07/2007	2NT		0.29	35.99	406	T10
210	NGUYỄN TIẾN THÀNH	2529	Nam	03/08/2007	1	01	2.32	35.99	405	T05
211	BÙI PHƯƠNG THẢO	2546	Nữ	02/06/2007	1	01	3.05	34.75	406	T05
212	LOAN PHƯƠNG THẢO	2550	Nữ	29/04/2007	1	01	3.24	34.41	405	T05
213	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	2553	Nữ	16/04/2007	1	01	1.21	37.91	406	T10
214	CHANG A THÀY	2561	Nam	16/10/2007	1	01	2.42	35.84	405	T10
215	NGUYỄN THỊ HẠNH THI	2564	Nữ	16/12/2007	1		0.33	37.00	405	T10
216	BÙI ANH THƠ	2597	Nam	19/09/2004		01	1.90	34.80	406	T08
217	BÙI ANH THƠ	2598	Nữ	07/04/2007	3		0.00	35.67	405	T05
218	NGUYỄN THỊ THU	2609	Nữ	27/05/2005			0.00	34.10	406	T05
219	PHẠM VĂN THUẬT	2633	Nam	05/01/2007	1	01	2.78	35.20	405	T10
220	LÊ VĂN THỨC	2635	Nam	04/01/2007	2		0.19	34.39	406	T00
221	TRẦN THỊ THANH THỦY	2642	Nữ	01/01/2007	3		0.00	35.40	406	T08
222	TRƯƠNG THỊ NGỌC THỦY	2654	Nữ	29/10/2007	1		0.63	34.30	405	T05
223	ĐỖ ĐỨC TIẾN	2660	Nam	11/12/2007	1		0.58	34.78	406	T00
224	NGUYỄN MINH TIẾN	2677	Nam	18/02/2007	1		0.64	34.24	406	T00

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đôi tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
225	LA ĐỨC TOÀN	2702	Nam	04/05/2007	1	01	2.69	35.36	405	T10
226	VŨ KHÁNH TOÀN	2717	Nam	21/12/2007	2NT		0.22	36.94	405	T05
227	TRẦN ĐỨC TOÀN	2723	Nam	23/06/2006	1	01	2.51	35.68	405	T10
228	NGUYỄN HUY TRÀ	2728	Nam	26/10/2007	3		0.00	36.80	406	T05
229	LƯƠNG BẢO TRÂM	2731	Nữ	10/09/2007	1	01	2.60	35.52	405	T05
230	ĐẶNG THỊ THU TRANG	2737	Nữ	10/09/2007	2		0.14	36.04	405	T05
231	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	2747	Nữ	22/08/2007	2NT		0.12	38.39	405	T05
232	ĐẬU MINH TRIẾT	2768	Nam	16/04/2007	2NT		0.41	34.33	405	T05
233	HỒ THỊ ÁNH TRÚC	2789	Nữ	18/01/2007	2		0.07	37.97	405	T05
234	LÃNG QUANG TRƯỜNG	2829	Nam	21/02/2007	1	01	2.20	36.20	406	T08
235	LỤC QUANG TRƯỜNG	2832	Nam	06/11/2007	1	01	2.60	35.52	405	T10
236	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	2838	Nam	09/12/2007	3		0.00	37.70	406	T00
237	VŨ QUANG TRƯỜNG	2850	Nam	15/10/2007	2		0.18	34.71	405	T10
238	BÙI HOÀNG TÚ	2853	Nam	26/06/2007	1	01	2.32	35.99	405	T10
239	CHU MINH TÚ	2859	Nam	11/06/2007	1	01	2.57	35.57	406	T09
240	HOÀNG ANH TÚ	2866	Nam	11/07/2007	1	01	2.47	35.74	405	T10

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
241	NGUYỄN ANH TÚ	2875	Nam	06/06/2007	2		0.20	34.12	405	T10
242	NGUYỄN ANH TÚ	2876	Nam	26/09/2007	1	01	2.78	35.20	405	T05
243	NGUYỄN NGỌC TÚ	2885	Nam	05/07/2007	2NT		0.41	34.31	406	T00
244	PHÙNG NGUYỄN ANH TÚ	2896	Nam	30/07/2007	2		0.05	38.45	406	T08
245	TRỊNH ANH TÚ	2897	Nam	31/10/2007	2NT		0.27	36.19	405	T10
246	TRỊNH QUANG TÚ	2898	Nam	14/11/2007	1	01	3.43	34.10	405	T02
247	VỊ THỊ TÚ	2899	Nữ	12/04/2007	1	01	3.15	34.57	405	T10
248	LÊ NGỌC TÚ	2901	Nam	05/01/2007	2		0.17	35.09	405	T05
249	ĐẶNG VĂN TUẤN	2902	Nam	12/11/2007	2NT		0.42	34.09	405	T10
250	ĐỖ HỮU TUẤN	2915	Nam	11/04/2005		TT				
251	HOÀNG ANH TUẤN	2919	Nam	02/07/2007	1		0.34	36.92	405	T05
252	LÒ VĂN TUẤN	2927	Nam	11/04/2007	1	01	2.32	35.99	405	T05
253	NGUYỄN HUY TUẤN	2938	Nam	29/04/2006	3		0.00	36.40	406	T00
254	NGUYỄN MINH TUẤN	2941	Nam	13/11/2007	2NT		0.42	34.09	405	T05
255	TRẦN ANH TUẤN	2959	Nam	06/01/2007	2		0.11	36.71	406	T00
256	TRƯƠNG TRỊNH MINH TUẤN	2964	Nam	01/04/2007	1	01	2.60	35.52	405	T10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ GDTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
257	LÒ VĂN TÙNG	2989	Nam	18/09/2007	1	01	2.90	35.00	406	T05
258	LUÔNG VĂN TÙNG	2990	Nam	11/01/2006	1	01	2.13	36.33	406	T00
259	TRIỆU HUY TÙNG	3009	Nam	17/04/2007	1	01	2.84	35.11	405	T10
260	PHẠM ĐÌNH TUYẾN	3026	Nam	17/06/2007	2NT		0.38	34.68	406	T00
261	BÙI SA ỨNG	3031	Nam	22/03/2007	1	01	2.75	35.25	406	T02
262	MA TỔ UYÊN	3035	Nữ	27/12/2007	3	06a	0.33	37.83	406	T00
263	ĐỖ THỊ VÂN	3044	Nữ	23/05/2007	2		0.18	34.85	405	T05
264	PHÙNG SÂN VĂN	3051	Nam	24/07/2007	1	01	2.78	35.20	405	T10
265	BÙI ĐOÀN VIỆT	3059	Nam	19/10/2007	1	01	2.51	35.68	405	T05
266	CHU QUỐC VIỆT	3060	Nam	03/03/2007	2		0.13	36.33	406	T00
267	DOÃN QUỐC VIỆT	3062	Nam	31/10/2007	2		0.13	36.30	405	T05
268	HỒ ĐỨC VIỆT	3063	Nam	23/08/2006	1	01	2.23	36.15	405	T10
269	TRẦN THỌ VIỆT	3084	Nam	02/01/2007	2NT		0.36	34.96	406	T08
270	LÊ THÀNH VINH	3091	Nam	04/07/2007	3		0.00	36.10	406	T00
271	TRẦN QUANG VINH	3101	Nam	09/05/2007	2NT		0.42	34.12	406	T02
272	LÊ KHÁNH VŨ	3111	Nam	21/05/2007	1		0.46	35.88	405	T10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2025 - ĐHCQ GDTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT - NĂM 2025, ĐỢT 1

STT	HỌ VÀ TÊN	Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh	Khu vực	Đối tượng	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	PTXT	Tổ hợp
273	CHÚC PHÚC XUÂN	3154	Nam	02/03/2007	1	01	2.60	35.52	405	T10
274	PHẠM THỊ HẢI YẾN	3167	Nữ	22/08/2006	1		0.45	35.95	406	T02
275	DƯƠNG HUY CƯỜNG	3174	Nam	23/08/2007	2		0.11	36.71	406	T02
276	ĐỖ NGUYỄN HOÀI LINH	3189	Nam	14/09/2007	3		0.00	38.30	406	T00
277	HÀ NGUYỄN VỸ	3237	Nam	07/08/2006		TT				
278	HỨA THỊ THU	3238	Nữ	09/01/2006		TT				

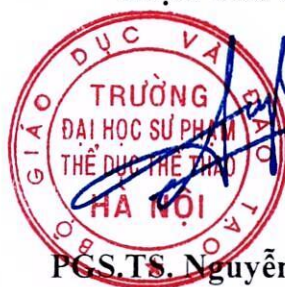
Tổng cộng có **278** thí sinh trong danh sách trúng tuyển ngành Giáo dục Thể chất - kỳ tuyển sinh Đại học Chính quy năm 2025, đợt 1.

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

ThS. Ngô Xuân Đức

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Duy Quyết

* **GHI CHÚ** : Phương thức xét tuyển : PTXT 405 = Kết quả thi THPT, PTXT 406 = Kết quả học tập lớp 12 THPT. Các tổ hợp xét tuyển : T00 = Toán – Sinh – NK, T02 = Ngữ văn – Sinh – NK, T05 = Ngữ văn – GDCD – NK, T08 = Toán – GDCD – NK, T09 = Toán – Lịch sử – NK, T10 = Ngữ văn – Lịch sử – NK. NK = điểm năng khiếu TDTT tính hệ số 2. GDCD = Giáo dục công dân/Giáo dục kinh tế pháp luật. Tổng điểm xét tuyển (theo thang điểm 40) đã bao gồm điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, điểm quy đổi tương đương tính theo Quy chế tuyển sinh đại học năm 2025 của trường.